TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 65/2021/DS-ST
Ngày 03 – 8 – 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long;

2. Bà Lương Thị Kim Anh;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021.QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H – Sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn N, xã Điện P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2 Bị đơn: Bà Trần Thị L – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn N, xã Điện P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 của bà Phạm Thị H và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2019 bà Trần Thị L có hai lần vay tiền của bà, lần đầu vào tháng 10/2019 vay số tiền 150.000.000 đồng nhưng không viết giấy, sau này bà H yêu cầu bà L viết giấy nhận số tiền này vào ngày 19/12/2019; lần thứ hai vay vào ngày 14/12/2019 có viết giấy vay số tiền là 69.000.000 đồng. Tổng cộng bà L đã vay của bà H là 219.000.000 đồng. Khi vay bà L nói mục đích vay là để đáo nợ Ngân Hng và tổ chức đám cưới cho con, việc bà L vay tiền thì chỉ có một mình bà L biết, chồng bà L không biết. Qúa trình vay bà L đã trả cho bà H được 48.000.000 đồng,

còn nợ lại 171.000.000 đồng. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L phải trả số tiền còn nợ nhưng bà L không chịu trả nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Trần Thị L phải trả số tiền 171.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2021 và tại phiên hòa giải ngày 18/5/2021 bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Vào năm 2019, bà có vay tiền của bà Phạm Thị H hai lần, với tổng số tiền là 219.000.000 đồng, mục đích vay là để làm ăn buôn bán, khi vay có ký giấy mượn nợ. Việc vay tiền chỉ có một mình bà giao dịch vay và nhận tiền với bà H, chồng bà L không biết việc vay tiền này. Qúa trình vay bà đã trả nợ cho bà H rất nhiều lần nhưng không nhớ rõ là đã trả số tiền bao nhiêu. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả 171.000.000 đồng bà không đồng ý vì hiện nay bà đang nuôi con nhỏ 5 tháng tuổi, không có khả năng để trả nợ cho bà H. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Qúa trình thụ lý, giải quyết xét xử vụ án, Thẩm phán, HĐXX, thư ký đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp Hnh đùng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn chưa chấp Hnh đũng pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 171.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tục: Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Tranh chấp nguyên đơn khởi kiện phát sinh từ hợp đồng vay nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Đây là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Trần Thị L có nơi cư trú tại xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn bà Trần Thị L có thỏa thuận việc vay tiền và có viết giấy mượn tiền với tổng số tiền là 219.000.000 đồng. Qúa trình vay, bà L trả được 48.000.000 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiếp nên bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền 171.000.000 đồng còn lại, bà H không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Giữa nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn bà Trần Thị L có thỏa thuận việc vay tiền, việc thỏa thuận này được xác lập bằng hai giấy mượn tiền ghi ngày 14/12/2019 và ngày 19/12/2019. Các đương sự bà H và bà L đều thống nhất giấy mượn tiền, số tiền ghi trong giấy mượn tiền và chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà Trần Thị L. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đều có năng lực Hnh vi dân sự và việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Trần Thị L có vay của bà Phạm Thị H số tiền 219.000.000 đồng.

Về trả nợ vay, theo thỏa thuận tại giấy mượn nợ ngày 14/10/2019 số tiền 69.000.000 đồng có thời hạn cho vay đến tháng 10/2020; theo thỏa thuận tại giấy mượn nợ 19/12/2019 số tiền vay 150.000.000 đồng sẽ trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo lời khai của nguyên đơn thì đến nay bà L chỉ trả được 48.000.000 đồng, vậy tính đến thời điểm hiện nay bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã thỏa thuận tại hai giấy nhận nợ nên bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền còn lại 171.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bà Trần Thị L cho rằng đã trả nợ cho bà H rất nhiều lần nhưng không rõ số tiền đã trả là bao nhiêu, bà L cũng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh về số tiền đã trả cho bà H. Trong khi đó bà H chỉ thừa nhận rằng bà L đã trả được 48.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xử chấp nhận số tiền bà Trần Thị L đã trả cho bà Phạm Thị H là 48.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho bà H 171.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 171.000.000 đồng nên không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu buộc trả lại tiền vay của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Trần Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H số tiền 171.000.000 đồng. (Một trăm bảy mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi Hnh xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.275.000 đồng theo biên lai thu số 0004378 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *Viện kiểm sát nhân dân TX. Điện Bàn;*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Chi cục Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ, án văn*